

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2024/HC-PT

Ngày 29/7/2024

*V/v: khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 206/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7737/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tòa nhà S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

1.2. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1980 do anh Nguyễn Văn D đại diện theo văn bản ủy quyền; địa chỉ: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của người khởi kiện: Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1981 - Luật sư Công ty Luật TNHH K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Chung cư S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/11/2022 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị H do ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông có thửa đất số 41, tờ bản đồ số 04 có diện tích hiện nay là 403,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BM 688540, cấp ngày 29/01/2013, có địa chỉ tại Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc đất là từ ông, cha sử dụng từ năm 1947 để lại và gia đình ông sử dụng ổn định, không tranh chấp, có diện tích thể hiện trên bản đồ địa chính xã N đo đạc năm 2002 là hơn 500m².

Khoảng năm 1994, gia đình ông được cấp GCNQSDĐ lần đầu, nhưng do gia đình ông sử dụng từ thời ông cha để lại, nên khi cấp GCNQSDĐ đã được cấp toàn bộ phần diện tích đang sử dụng theo hiện trạng. Tuy nhiên, đến năm 2002 trên địa bàn xã N có chủ trương cấp đổi GCNQSDĐ thì một phần diện tích đất của gia đình ông được xác định là nằm trong quy hoạch hành lang giao thông. Khi đó, các cán bộ của UBND xã N và cán bộ địa chính giải thích rằng phần đất này vẫn của gia đình ông và gia đình ông vẫn được sử dụng bình thường, chỉ không được xây các công trình kiên cố, nếu xây phải xin phép, nên ông bà tin tưởng chính sách của Nhà nước và yên tâm sử dụng với diện tích được ghi trong GCNQSDĐ là 403,6m². Theo người khởi kiện thì nguồn gốc đất là do gia đình ông sử dụng từ năm 1947, nhưng đường ĐT.398 (nay là Quốc lộ 17) mới được hình thành sau và khái niệm về đất “hành lang giao thông” cũng như việc xác định hành lang đường bộ đối với tuyến đường tỉnh 398 mới lần đầu xuất hiện trong Nghị định số 203 của Hội đồng bộ trưởng ngày 21/12/1982. Do đó, trường hợp Nhà nước mở đường, cải tạo, nâng cấp đường và cắm mốc lộ giới hành lang giao thông mà một phần diện tích đất của gia đình ông thuộc hành lang giao thông thì phải có quyết định thu hồi đất và bồi thường theo đúng quy định pháp luật, nên khi chưa có quyết định thu hồi đất thì gia đình ông vẫn được sử dụng đối với phần đất này. Việc UBND huyện T lấy lý do có một phần là đất hành lang giao thông nên đã cấp GCNQSDĐ không phù hợp với nguồn gốc sử dụng đất và trái quy định pháp luật có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng toàn bộ diện tích gia đình ông đang quản lý sử dụng có diện tích hơn 500m² có nguồn gốc từ trước năm 1947 là đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo điểm a mục 2, điểm a, c mục 3 Chương II Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ. Năm 2003, gia đình ông đổi GCNQSDĐ là theo yêu cầu của UBND xã N, còn thực tế vào thời điểm đó, cùng khu vực mặt đường TL 398 như gia đình ông vẫn có một số hộ vì lý do nào đó đã không thực hiện việc đổi GCNQSDĐ.

Khoảng tháng 11/2021, khi Nhà nước có chủ trương mở rộng đường TL 398 gia đình ông bị lấy đi một phần đất và ông tin tưởng sẽ được bồi thường về đất, tài sản

trên đất, nhưng đến nay không nhận được văn bản trả lời của UBND huyện T. Do đó, ông cho rằng: UBND huyện T chưa thực hiện các bước theo quy định của pháp luật về thu hồi đất tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013; Điều 69 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 4 Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và theo các quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 79, khoản 1 Điều 88 Luật đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai 2013 thì phần diện tích mà UBND huyện T hiện nay đang cho rằng là đất hành lang giao thông thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Khi Nhà nước lấy một phần hoặc toàn bộ diện tích đất đang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người sử dụng thì phải bồi thường về đất và tài sản trên đất bị thu hồi.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện T không thực hiện đúng các quy định pháp luật về thu hồi đất để làm đường QL17 như ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất đối với người sử dụng đất là gia đình ông, nhưng khoảng tháng 11/2021, UBND thị trấn N, công an xã N đã cho máy xúc máy ủi đến phần đất gia đình ông đang sử dụng giáp với mặt đường QL17 để san ủi, mức đất cắt nền bê tông mà không có thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và từ đó đến nay cũng chưa bồi thường và có phương án bồi thường về đất thu hồi. Việc này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn;
- Buộc Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Người bị kiện – đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau:

1. Về nguồn gốc đất và việc cấp GCNQSDĐ của hộ: ngày 17/11/2003, bà Nguyễn Thị B được UBND huyện cấp GCNQSDĐ tại thửa số 41, tờ bản đồ 04, diện tích 403,6m² trong đó: Đất ở là 360m²; đất vườn là 43,6m² (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thể hiện thửa đất cách tim đường giao thông 10m).

Ngày 06/12/2012, bà B đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị H. Ngày 29/01/2013, ông D được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số BM 688540 tại quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 29/01/2013, số vào sổ 00224 với diện tích 403,6m² tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất: đất ở 360m², đất vườn 43,6m² (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thể hiện thửa đất cách tim đường giao thông là 10m).

Theo bản đồ đo đạc năm 2002, thì thửa số 41, tờ bản đồ 04, diện tích cả thửa là 481,0m², diện tích cấp GCNQSDĐ là 403,6m², diện tích hành lang giao thông là 77,4m² không được cấp GCNQSDĐ. Theo trích lục bản đồ năm 2021 thì chỉ giới

đường đỏ thực hiện dự án nằm ngoài diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông D.

2. *Việc đặt tên, đổi tên đường và quy định về HLGT qua các thời kỳ:* đường Quốc lộ 17 hiện nay trước đây là đường Tỉnh lộ 398, đường tỉnh 284, đổi tên qua các thời kỳ như sau: theo Quyết định số 426/CT ngày 12/4/1993 của UBND tỉnh Hà Bắc là đường tỉnh lộ 284. Đến năm 2006, theo Quyết định số 03/2006/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND tỉnh Bắc Giang chuyển tên đường thành đường Tỉnh lộ 398. Năm 2014, theo Quyết định số 4888/QĐ-BGTVT ngày 23/12/2014 chuyển tên đường thành Quốc lộ 17. Hành lang an toàn đường bộ đường Quốc lộ 17 được xác định từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, qua các thời kỳ như sau:

- Theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Chỉ thị số 13/CT-UB ngày 11/8/1983 của UBND tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang); Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, trong đó quy định hành lang an toàn đường Tỉnh lộ 284 (hiện nay là Quốc lộ 17) là 10m.

- Theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định hành lang an toàn giao thông, lúc này giới hạn hành lang an toàn giao thông đường Tỉnh lộ 284 (hiện nay là Quốc lộ 17) là 10m.

- Theo Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 14/3/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, trong đó đường Tỉnh lộ 398 (hiện nay là Quốc lộ 17), phần đất hành lang an toàn giao thông là 15m gồm đất bảo trì đường bộ rộng 2m và đất hành lang an toàn đường bộ rộng 13m.

Như vậy, trước năm 2007, đường Quốc lộ 17 (trước đây là đường Tỉnh lộ 398, đường tỉnh 284) có hành lang giao thông là 10m; sau năm 2007, đường Quốc lộ 17 (trước đây là đường Tỉnh lộ 398) có hành lang giao thông là 15m.

3. *Về giải tỏa hành lang giao thông:* UBND thị trấn N đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 01/7/2021 về việc xây dựng kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ năm 2021 trên địa bàn thị trấn N. Sau khi thực hiện thống kê, kiểm đếm công trình, tài sản, cây cối, vật kiến trúc nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, UBND thị trấn N ban hành thông báo đến các hộ về việc di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện mở rộng Đường Quốc lộ 17 trên địa bàn thị trấn N. UBND thị trấn N thực hiện giải tỏa hành lang trên đất do Nhà nước quản lý không thuộc phần diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ ở cho hộ gia đình ông D. Hiện diện tích ông D, bà H đang đề nghị bồi thường, UBND thị trấn đã giải tỏa xong, đã thi công mở rộng Đường Quốc lộ 17 (trước đây là Đường Tỉnh lộ 398) (thực tế chỉ thực hiện trong phạm vi cách tìm đường là 7,5m); UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất do dự án thực hiện trong phạm vi hành lang giao thông và được UBND thị trấn N giải tỏa.

4. *Quan điểm của UBND huyện về yêu cầu khởi kiện:* Theo GCNQSDĐ, bản đồ địa chính xã N (nay là thị trấn) đo đạc năm 2002, bản đồ năm 2017, diện tích đất anh D đề nghị thu hồi, bồi thường khi thực hiện Dự án điều chỉnh đất hành lang giao thông, không được cấp GCNQSDĐ nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 4, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy việc ông Nguyễn Văn D đề nghị buộc UBND huyện T thực hiện thủ tục thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn; bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật đất đai là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1, khoản 3 Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 75, khoản 4 Điều 82 của Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, chị Đinh Thị H về việc yêu cầu Tòa án:

- Buộc Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn;
- Buộc Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/3/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đồng thời cho rằng diện tích đất bị giải tỏa có nguồn gốc là của gia đình ông D, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Nguyễn Thị B (mẹ ông D) từ năm 1994. Năm 2003, khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới bị trừ phần diện tích đất quy hoạch làm đường, nhưng gia đình ông D vẫn tiếp tục sử dụng, nên diện tích đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D; việc UBND huyện T không công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D đối với phần diện tích đất này là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B và ông D để bảo đảm quyền và lợi ích của người khởi kiện trong việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi nếu thuộc phạm vi quy hoạch thì người đang trực tiếp quản lý đất vẫn có các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị căn cứ hiện trạng sử dụng đất và ý kiến của người bị kiện về phạm vi quy hoạch để xác

định diện tích đất bị thu hồi phải bồi thường cho gia đình ông D theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và của người bị kiện đều có mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Tháng 11/2021, UBND thị trấn N thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện T đã tiến hành san ủi, mức đất cắt nền bê tông trong phần đất gia đình ông Nguyễn Văn D đang sử dụng giáp với mặt đường QL17, nhưng không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường theo quy định. Ngày 30/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị H yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật, là thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D:

[4.1] Về nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất: Theo các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được các bên thừa nhận tại phiên tòa thì nguồn gốc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 4, diện tích 403,6m², trong đó có đất ở 360m², đất vườn 43,6m² mà ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị H đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số BM 688540 theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 29/01/2013, số vào sổ 00224 là của bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng lại cho ông D, bà H từ ngày 06/12/2012. Thời điểm hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà B đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ (số AA046556 ngày 17/11/2003), thể hiện tại thửa số 41, tờ bản đồ 04, diện tích 403,6m² trong đó: đất ở là 360m²; đất vườn là 43,6m² (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thể hiện

thửa đất cách tim đường giao thông là 10m). Như vậy, ông D bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất nêu trên là do nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị B và diện tích đất của ông D bà Hương được cấp quyền sử dụng là đúng với diện tích mà UBND huyện T đã cấp cho bà B vào năm 2003, trong đó có sơ đồ thể hiện rõ hình thể, diện tích, ranh giới, mốc giới của thửa đất; quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B vào năm 2003 và việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D bà H là không có khiếu nại. Do đó, việc UBND huyện T căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D bà H với diện tích như nêu trên là đúng quy định.

[4.2] Về việc giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 17:

Năm 2021, thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo đường TL 294 (Quốc lộ 17) đoạn từ ngã ba T, huyện Y đến xã P, huyện T, UBND thị trấn N đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 01/7/2021 về việc xây dựng kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ năm 2021 trên địa bàn thị trấn N, đồng thời thông báo đến các hộ dân về việc di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất để thực hiện mở rộng Quốc lộ 17 trên địa bàn thị trấn. Sau đó, UBND thị trấn N thực hiện giải tỏa hành lang trên đất do Nhà nước quản lý không thuộc phần diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, trong đó có gia đình ông D, bà H, nhưng ông D, bà H không đồng ý và đề nghị bồi thường. Tuy nhiên, theo bản đồ đo đạc năm 2002, thì thửa số 41, tờ bản đồ 04 có tổng diện tích là 481,0m², trong đó diện tích cấp GCNQSDĐ là 403,6m², diện tích hành lang giao thông không cấp GCNQSDĐ đất là 77,4m²; theo bản đồ năm 2021 thì chỉ giới đường đỏ thực hiện dự án nằm ngoài ranh giới đất cấp cho gia đình anh D, chị H (thực tế chỉ thực hiện trong phạm vi cách tim đường là 7,5m, trong khi ranh giới đất của ông D bà H được cấp cách tim đường 10m). Như vậy, việc UBND thị trấn N tiến hành san ủi, mức đất, cốt nền bê tông để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án là trong phạm vi đất thuộc hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, nên lời trình bày của ông D bà H về việc diện tích đất bị giải tỏa thuộc quyền sử dụng của ông bà là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện T thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật về đất đai: Như đã nhận định thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T là đúng quy định; quá trình sử dụng đất không có khiếu nại; việc giải phóng mặt bằng để làm mở rộng QL17 là trong phạm vi diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ, không thuộc diện tích đất của ông D bà Hương được công nhận quyền sử dụng, nên việc UBND huyện T không ban hành quyết định thu hồi đất và tiến hành bồi thường là đúng quy định tại Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị H là có căn cứ.

[4.4] Từ những nhận định trên, xét thấy tại cấp phúc thẩm không phát sinh các tình tiết mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, do đó

cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001127 ngày 01/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Lê Thị Thúy Bình
Minh**

Trần Quang

Hồ Sỹ Hưng

.